

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2019

V/v ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tấn;

2. Bà Đoàn Thị Hoa Kiều.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2019/TLST-HNGĐ ngày 07-01-2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15-3-2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn P, xã BT, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

*Bị đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Khu dân cư 1B, tổ dân phố L, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 14-12-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Th trình bày:*

Chị và anh Bùi Văn T tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q vào ngày 26-10-2015. Quá trình

chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do thời gian tìm hiểu quá ít, trầm trọng nhất từ năm 2017 đến nay, anh T không tôn trọng, có lời nói xúc phạm chị, quan hệ vợ chồng không hòa hợp. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Bùi Bảo K, sinh ngày 23-4-2016, hiện đang sống với chị, đi nhà trẻ tư nhân tại xã BT, huyện B. Chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị làm công nhân tại Khu công nghiệp V, bán hàng online, thu nhập từ 5 đến 7 triệu đồng/tháng, chị ở nhà cùng cha mẹ tại xã BT, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi nên chị có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*\* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Bùi Văn T trình bày:*

Anh đồng ý với nội dung trình bày của chị Th về quá trình tìm hiểu yêu thương, kết hôn, con chung của vợ chồng. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ ở mức nhỏ nhất trong cuộc sống hàng ngày, không đến mức trầm trọng; việc chị Th yêu cầu ly hôn là do chị Th gặp nhiều áp lực trong công việc, anh có khuyên nhủ nhưng chị Th không nghe, chị Th nghe lời thầy bói rằng nếu không ly hôn thì đến năm 40 tuổi, anh sẽ đuổi chị Th. Theo anh những mâu thuẫn của vợ chồng không trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Th, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để vợ chồng chung sống, nuôi dạy con trưởng thành.

Về con chung: Trường hợp phải ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con, nếu chị Th được nuôi con thì anh không cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay, anh làm công nhân tại Khu công nghiệp V, thu nhập từ 5 đến 7 triệu đồng/tháng, thời gian làm việc trong giờ hành chính, anh sinh sống cùng với bố mẹ tại phường T, thành phố Q, cha mẹ anh cho đất để làm nhà ở nên anh có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*\* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gọi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa. Các đương sự tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Th được ly hôn với anh T. Giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xét. Án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Th, anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường T vào ngày 26-10-2015 nên đây quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Th, anh T trình bày khác nhau về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị Th và anh T không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau về những khó khăn trong cuộc sống vợ chồng, quan hệ vợ chồng không hòa hợp nên có căn cứ để xác định mục đích hôn nhân giữa chị Th và anh T không đạt được; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th.

[2] Chị Th, anh T có một con chung là cháu Bùi Bảo K, sinh ngày 23-4-2016, hiện đang sống với chị Th; chị Th và anh T đều có điều kiện nuôi con và có yêu cầu được nuôi con, tuy nhiên xét hiện nay cháu K đang đi trẻ tự nhân tại BT, B, chưa đủ 36 tháng tuổi, để không làm xáo trộn việc học tập, sinh hoạt của cháu K nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu K cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng; chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Chị Th, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và đều trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Chị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chị Phạm Thị Th được ly hôn anh Bùi Văn T.
2. Giao cháu Bùi Bảo K, sinh ngày 23-4-2016 cho chị Phạm Thị Th trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Bùi Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Chị Phạm Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0000297 ngày 27-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Hồng Ánh**